TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/DS-PT
Ngày: 23- 04 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân
Ông Nguyễn Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Lê Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Đào Thị Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 7 tháng 3, 16 và 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2024/QĐXX-PT ngày 04/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị P, sinh năm 1963; Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố 2, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964; Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ liên hệ: 83/32/11 TNH, phường HT, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1992; Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P.

NỘI D1 VỤ ÁN:

Theo nội D1 đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị P trình bày:

Bà Mai Thị P là chủ sử dụng của thửa đất số 115, tờ bản đồ số 73, diện tích 366,6m^2, tọa lạc tại khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 089708, vào sổ số CS 08978 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/10/2019 mang tên Mai Thị P có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Mai Thị Thanh D1. Khi nhận chuyển nhượng thì trên đất không có tài sản gì và chỉ có 02 cột mốc xác định ranh giới điểm đầu và điểm cuối thửa đất giáp ranh với thửa đất của gia đình ông Nguyễn Văn D sử dụng, sau này làm đường số 8 mở rộng đã không còn cột mốc phía đầu thửa đất, đến khi bà P làm nhà trên đất vào năm 2021 thì giữa bà P và ông D không thống nhất được ranh giới giữa 2 thửa đất nên bà P xây dựng phần căn nhà còn Đ lại một phần diện tích trống có chiều ngang khoảng 20cm và chiều dài hết thửa đất của bà P. Nay, bà P có nhu cầu rào thửa đất thì phía ông D không đồng ý mà cho rằng phần đất này là của ông D với lý do khi bà P xây móng làm nhà thì cũng đã đo đạc, giăng dây thống nhất với gia đình ông D về vị trí ranh giới rồi bà P mới tiến hành xây dựng nhà trên đất, do đó bà P khởi kiện yêu cầu ông D trả lại phần diện tích lấn chiếm có diện tích theo kết quả đo đạc là 5,8m^2 .

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P vì xác định không lấn đất của bà P. Thửa đất của gia đình ông D giáp ranh với thửa đất của bà P có nguồn gốc gia đình nhận chuyển nhượng của mẹ vợ từ những năm 1981, 1982 cho đến nay, sau đó thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D. Bà Nguyễn Thị T chết năm 2020, từ đó đến nay do ông D quản lý, sử dụng. Phía thửa đất của bà P đã xây móng làm nhà, khi làm đã có giăng dây thống nhất với gia đình ông D. Ranh giới sử dụng ổn định từ đó đến nay nên không có việc gia đình ông D lấn đất của bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P vì gia đình chị không lấn đất của bà P. Thửa đất của gia đình giáp ranh với thửa đất của bà P có nguồn gốc cha mẹ chị P được ông bà ngoại cho từ thời xưa, gia đình chị P sinh sống ổn định từ đó đến nay. Sau này mẹ chị là bà Nguyễn Thị T chết vào năm 2020 thì ông D và các con gồm chị P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 đã thỏa thuận phân chia di sản mỗi người được sử dụng ¼ của thửa đất và được sử dụng chung. Ranh giới giáp đất bà P thì có hàng rào xây do bà P xây kiên cố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Thửa đất của gia đình anh Đ đang sử dụng có nguồn gốc do ông bà Ngoại cho cha mẹ là ông D và bà Nguyễn Thị T, khi bà T chết thì ông D cùng 3 chị em trong gia đình là người được thừa kế. Quá trình sử dụng thì gia đình không lấn đất của bà P nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P. Đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì bận công việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Thửa đất của gia đình anh Đ1 đang sử dụng có nguồn gốc do ông bà Ngoại cho cha mẹ là ông D và bà Nguyễn Thị T, khi bà T chết thì ông D cùng 3 chị em trong gia đình là người được thừa kế. Quá trình sử dụng ổn định từ đó đến nay, đất vẫn có khoảng trống, gia đình không lấn chiếm không xây dựng gì trên đất của bà P. Anh Đ1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P. Đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì bận công việc.

Người làm chứng bà Mai Thị Thanh D1 quá trình giải quyết trình bày:

Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 73, diện tích 366,6m^2, tọa lạc tại khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 089708, vào sổ số CS 08978 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/10/2019 mang tên Mai Thị P có nguồn gốc vào khoảng năm 1990 thì bà D1 mua của bà Nguyễn Thị B (thường gọi là bà B), thời điểm mua thì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2008 bà D1 kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009 đối với thửa đất có mặt tiền quốc lộ 13 có chiều dài 10m và mặt đường số 8 (nay là đường PHT) có chiều dài 10,1m. Bà D1 sử dụng ổn định đến năm 2013 (đến năm 2019 mới làm thủ tục tặng cho) bà chuyển nhượng một phần phía đường số 8 cho bà Mai Thị P với diện tích là 366,6m^2. Khi mua bà D1 có cắm cột mốc bằng trụ cây Đ thể hiện ranh giới của thửa đất, đến khi bà D1 kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đo đạc cấp đúng với phần diện tích mua, khi tách thửa và bàn giao đất cho bà Mai Thị P có ranh giới thể hiện bằng cột trụ bê tông cắm ở các góc thửa đất, đất trống không có tài sản gì trên đất.Quá trình sử dụng cho đến khi sang nhượng lại cho bà Mai Thị P không phát sinh tranh chấp với ai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị P

Buộc ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Ngọc P trả lại diện tích đất 5,8m^2 thuộc 115, tờ bản đồ số 73, diện tích 366,6m^2, tọa lạc tại khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 089708, vào sổ số CS 08978 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/10/2019 cho bà Mai Thị P.

(*Kèm sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C*)

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/11/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị HĐXX sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D1 giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân Thị xã C, tỉnh Bình Phước theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội D1 và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 73, diện tích 366,6m^2, tọa lạc tại khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 089708, vào sổ số CS 08978 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/10/2019 mang tên Mai Thị P có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Mai Thị Thanh D1. Bà Mai Thị Thanh D1 nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị B (thường gọi là bà BCR) là mẹ vợ của ông Nguyễn Văn D. Khi bà D1 nhận chuyển nhượng thì đất của bà B chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2009 thì bà D1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có mặt tiền quốc lộ 13 có chiều dài 10m

và mặt đường số 8 *(nay là đường PHT)* có chiều dài 10,1m. Quá trình bà D1 sử dụng cho đến khi sang nhượng lại cho bà Mai Thị P không phát sinh tranh chấp với ai.

Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 73, diện tích 611,1m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 622917, vào sổ số CS H-02228 do UBND huyện C (nay là thị xã C) cấp ngày 15/01/2009 mang tên hộ bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D đến ngày 07/02/2022 đã được điều chỉnh thừa kế cho đồng sử dụng là ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Ngọc P, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn Đ1, thửa đất này có cạnh phía Bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị P.

[2.2] Về hiện trạng sử dụng :

Nguyên đơn bà P và ông D đều thống nhất xác định ranh giới trước đây giữa hai thửa đất được xác định bằng những trụ cột bê tông phía trước và phía cuối đất nhưng trong quá trình mở rộng đường số 8 *(đường PHT)* và khi bà P tiến hành xây nhà thì trụ cột bê tông này không còn nữa.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng ngày 24/7/2023 cho thấy: Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 73 do bà P thực tế sử dụng có diện tích là 360,6 m^2, giảm so với Giấy chứng nhận được cấp là 5,8m^2, trong khi đó các cạnh tiếp giáp phía Đông và Phía Bắc của thửa đất không tranh chấp được xác định đúng theo sơ đồ địa chính. Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 73 của gia đình ông D sử dụng thực tế là 616,9 m^2 nhiều hơn diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5,8m^2 trong khi đó các cạnh tiếp giáp khác của thửa đất không tranh chấp được xác định đúng theo sơ đồ địa chính.

Tuy nhiên theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/4/2024 tại giai đoạn phúc thẩm xét thấy diện tích đất 366,6 m^2 có nguồn gốc đất trũng thấp hơn so với bề mặt đường số 8 khoản từ 01 đến 03m. Trước khi bà P tiến hành xây dựng nhà thì đã làm kè phần móng kiên cố bằng bê tông và gạch bao quanh toàn bộ diện tích đất, sau đó tiến hành đổ đất cho bằng với mặt đường số 8 Đ làm móng nền nhà. Mặt khác, theo tập quán địa P có thể thấy rằng việc bà P xây dựng phần móng kiên cố, tiến hành đổ đất Đ làm nền nhà *(trong khi đó phía diện tích đất của ông D là đất thấp, trũng)* là đã xác lập việc phân định ranh giới giữa các bên với nhau. Việc bà P cho rằng phần giáp ranh với đất của ông D còn Đ lại phần diện tích đất 5,8m^2, có chiều ngang cách bờ móng nhà khoảng 20cm nhưng không đưa ra được chứng cứ gì Đ chứng minh cũng như có sự thỏa thuận hoặc có thông báo cho phía ông D biết và thực tế ông D đã sử dụng phần đất này làm lối đi lại của gia đình ổn định, lâu dài mà bà P không có ý kiến gì tranh chấp.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Mai Thị P về việc buộc ông Nguyễn Văn D trả diện tích đất bị lấn chiếm là 5,8m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P, cần sửa Bản án

dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, Đ đảm bảo sử ổn định trong quá trình sử dụng đất nhằm phù hợp với đo đạc chỉnh lý theo sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C, cần công nhận quyền sử dụng đất của các bên sử dụng theo hiện trạng sử dụng đất.

Các bên có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Đ giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kê khai, đăng ký biến động đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với hiện trạng sử dụng đất. Trường hợp các bên không tự nguyện thi hành, thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên Đ điều chỉnh biến động đất đai theo quy định của pháp luật (*kèm sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C*).

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Mai Thị P phải chịu án phí theo mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Chi phí đo đạc giải quyết vụ án là 6.694.0000 đồng, chi phí định giá, thẩm định giải quyết vụ án là 2.000.000 đồng và chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp phía nguyên đơn phải chịu toàn bộ theo quy định. Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 2.000.000 đồng và đã thanh toán cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C chi phí đo đạc là 6.694.0000 đồng nên được cấn trừ toàn bộ vào số tiền nguyên đơn đã tạm ứng và thanh toán. Ngoài ra nguyên đơn phải thanh toán chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm 3.000.000 đồng cho bà P.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P được chấp nhận nên không phải chịu.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 13/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước;

Áp dụng các Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị P về việc buộc ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị Ngọc P trả lại diện tích đất 5,8m^2 thuộc 115, tờ bản đồ số 73, diện tích 366,6m^2, tọa lạc tại khu phố 3, phường HL, thị xã C, tỉnh Bình Phước được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 089708, vào sổ số CS 08978 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/10/2019 cho bà Mai Thị P.

2. Công nhận quyền sử dụng đất của các bên theo hiện trạng sử dụng đất, có vị trí, tứ cận phần diện tích đất được thể hiện cụ thể tại bản đồ đo đạc ngày 24/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C, tỉnh Bình Phước kèm theo Bản án.

Các bên có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Đ giao nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kê khai, đăng ký biến động đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với hiện trạng sử dụng đất. Trường hợp các bên không tự nguyện thi hành, thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên Đ điều chỉnh biến động đất đai theo quy định của pháp luật (*Kèm sơ đồ đo đạc ngày 24/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã C*).

3. Về án phí: nguyên đơn bà Mai Thị P phải chịu án phí theo mức án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011978 ngày 14/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

4. Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:

Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm là 8.694.0000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí 8.694.0000 đồng nguyên đơn bà Mai Thị P đã nộp đủ.

Nguyên đơn bà Mai Thị P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 3.000.000 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P không phải chịu, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012555 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thị xã C;
- TAND thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Thảo